

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

KHOA TIẾNG ANH A

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC HỌC PHẦN HA2

(Theo công văn số 137 của Phòng QLĐT)

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Tiếng Anh HA2

- Mã số học phần: 191303012

1.2. Số tín chỉ: 03

1.3. Bộ môn phụ trách: Khoa Tiếng Anh A

1.4. Tên giảng viên đảm nhận giảng dạy:

Giảng viên 1

Họ và tên: Nguyễn Thị Hoàng Mai

Chức danh, học hàm, học vị: PCNK, Thạc sỹ

Địa điểm làm việc: Phòng A408

Điện thoại, email: 0912620226, nguyen.hoang.mai.0914@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đặng Thanh Vân

Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sỹ

Địa điểm làm việc: Phòng A306

Điện thoại, email: 0904773989, dangthanhvan1968@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng

1.5. Loại học phần: Bắt buộc

1.6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải thi qua HA1

1.7. Phân bổ thời gian:

+ Nghe giảng lý thuyết	: 45 tiết
+ Thảo luận nhóm, Seminar	: 0 tiết
+ Tự học	: 67,5 giờ
+ Hoạt động khác	: không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung của học phần

Học phần tiếng Anh HA2 trang bị cho sinh viên các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cũng như củng cố các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu và viết để giúp sinh viên có thể giao tiếp và hiểu được các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày các địa điểm, thực phẩm, những việc đã làm trong quá khứ, v.v. Ngoài ra, học phần tiếng Anh HA2 còn giúp sinh viên hình thành thói quen tự học tập và tự tin áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào cuộc sống và công việc thực tiễn một cách trung thực và khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
G1	Về kiến thức: - Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng về các chủ đề “Địa điểm” (Places), “Thực phẩm” (Food) và “Quá khứ” (The Past) như các từ chỉ địa điểm, các phòng trong nhà, từ dùng để miêu tả đồ ăn, đồ uống, từ nói về nhà hàng, về thời gian quá khứ (Unit 4,5,6). - Trang bị cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về các cấu trúc “There is/are”, động từ khuyết thiếu “can”, danh từ đếm được và không đếm được, câu hỏi về số lượng “how much/many...”, các từ định lượng, thì quá khứ đơn giản (Unit 4,5,6).
G2	Về kỹ năng: - Củng cố và phát triển cho sinh viên kỹ năng Nghe hiểu và Đọc hiểu (Unit 4,5,6). - Củng cố và phát triển cho sinh viên kỹ năng Phát âm và Nói thông qua các tình huống giao tiếp (Unit 4,5,6). - Củng cố cho sinh viên kỹ năng viết các câu và đoạn ngắn 60-70 từ để miêu tả nhà, địa điểm yêu thích, lớp học, một món ăn nào đó, cuộc sống của mình hoặc người khác (Unit 4,5,6).
G3	Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm: - Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong học tập và từ đó khuyến khích sinh viên tự chủ và tự chịu trách nhiệm với việc học tập tiếng Anh của mình thông qua việc giao bài tập và cung cấp thêm các nội dung giúp sinh viên tự học. - Có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp khi sử dụng các ngữ liệu đã học. - Có trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc vận dụng và sáng tạo các ngữ liệu đã học vào các tình huống sử dụng ngôn ngữ hàng ngày.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần

a) Về kiến thức:

- CLO1: Nhớ và hiểu được các ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các địa điểm, thực phẩm, những việc đã làm trong quá khứ.
- CLO2: Vận dụng được các ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các địa điểm, thực phẩm, những việc đã làm trong quá khứ.

b) Về kỹ năng

- CLO3: Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực vận dụng các ngữ liệu ngôn ngữ đã học vào các tình huống giao tiếp hàng ngày thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, gọi món ăn trong nhà hàng, kể về những việc đã làm trong quá khứ, miêu tả một địa điểm, giới thiệu cách nấu một món ăn, viết một số thông tin về một người nổi tiếng v.v...
- CLO4: Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực phân tích và đánh giá tình huống để có thể sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, gọi món ăn trong nhà hàng, kể về những việc đã làm trong quá khứ, miêu tả một địa điểm, giới thiệu cách nấu một món ăn, viết một số thông tin về một người nổi tiếng v.v...

c) Về tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp khi sử dụng các ngữ liệu đã học.
- CLO6: Có trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc vận dụng và sáng tạo các ngữ liệu đã học vào các tình huống sử dụng ngôn ngữ hàng ngày.

Mã CDR	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ thang BLOOM
Kiến thức		
CLO1	Nhớ và hiểu được các ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các địa điểm, thực phẩm, những việc đã làm trong quá khứ.	2
CLO2	Vận dụng được các ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc	3

	sống hàng ngày như các địa điểm, thực phẩm, những việc đã làm trong quá khứ.	
Kỹ năng		
CLO3	Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực vận dụng các ngữ liệu ngôn ngữ đã học vào các tình huống giao tiếp hàng ngày thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, gọi món ăn trong nhà hàng, kể về những việc đã làm trong quá khứ, miêu tả một địa điểm, giới thiệu cách nấu một món ăn, viết một số thông tin về một người nổi tiếng v.v...	3
CLO4	CLO4: Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực phân tích và đánh giá tình huống để có thể sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, gọi món ăn trong nhà hàng, kể về những việc đã làm trong quá khứ, miêu tả một địa điểm, giới thiệu cách nấu một món ăn, viết một số thông tin về một người nổi tiếng v.v...	3
Tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp khi sử dụng các ngữ liệu đã học.	3
CLO6	Có trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc vận dụng và sáng tạo các ngữ liệu đã học vào các tình huống sử dụng ngôn ngữ hàng ngày.	3

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần HA2 bao gồm 3 bài học từ bài số 4 đến 6 của giáo trình Speakout Elementary.

- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về **từ vựng** (chỉ địa điểm, các phòng trong nhà, từ dùng để miêu tả đồ ăn, đồ uống, từ nói về nhà hàng, về thời gian quá khứ), **ngữ pháp** (các cấu trúc “There is/are”, động từ khuyết thiếu “can”, danh từ đếm được và không đếm được, câu hỏi về số lượng “how much/many...”, các từ định lượng, thì quá khứ đơn giản) và các kỹ năng **nói** (nói về một số địa điểm yêu thích, miêu tả một phòng trong nhà, nói về những hoạt động có thể làm trong thành phố, thực hiện hội thoại khi đi mua sắm trong cửa hàng, nói về thói quen ăn uống, tiến hành khảo sát trong lớp học về đồ ăn, thực hiện hội thoại gọi món trong nhà hàng, cách nấu một món ăn, nói về các sự việc xảy ra trong quá khứ, kể về ngày cuối tuần, phỏng vấn một người đặc biệt), **nghe** (nghe hội thoại hoặc xem DVD để lấy thông tin chính và chi tiết về các chủ đề địa danh, các phòng trong nhà, các món ăn, thông tin về ngày cuối tuần của một người và thông tin về cuộc sống về những người nổi tiếng), **đọc** (đọc lấy ý chính và thông tin chi tiết về các chủ đề địa danh, những nơi đặc biệt trong thành phố, một dự án của một nhiếp ảnh gia, thói quen ăn uống, và các hoạt động trong cuộc sống của người khác) và **viết** (viết các câu và đoạn ngắn 60-70 từ để miêu tả nhà, địa điểm yêu thích, lớp học, một món ăn nào đó, cuộc sống của mình hoặc người khác).
- Để học được học phần này, yêu cầu:
 - + Giảng viên giảng cho SV hiểu được các kiến thức, hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trong các kỹ năng ngôn ngữ.
 - + Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp và luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.

5. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Đáp ứng CDR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Unit 4 4.1. Grammar/ Function There is/are “Can” for possibility	CLO1,2,3, 4,5,6	15				22,5

Shopping						
4.2. Vocabulary						
Rooms and furniture						
Prepositions						
Places in towns						
Things to buy						
4.3. Pronunciation						
Word stress						
Sentence stress						
Polite intonation						
4.4. Reading						
Read about two places in Malta						
Read about some unusual places in town						
4.5. Listening/DVD						
Listen to a woman describing her apartment						
Understand conversations in shops						
Watch an extract from a documentary about some amazing places						
4.6. Speaking						
Describe a room in your home						
Talk about things you can do in your town						
Have a conversation in a shop						
Talk about a favourite place						
4.7. Writing						

Improve your use of commas Write a description of your home Write a blog about your favourite place						
Unit 5 5.1. Grammar/ Function Countable and uncountable nouns “How much/many”; quantifiers Ordering in a restaurant 5.2. Vocabulary Food and drink Containers Restaurant words 5.3. Pronunciation Weak form: <i>a/an/some/any</i> Numbers Polite intonation; Linking 5.4. Reading Read about a photographer’s project Read about eating and drinking habits Read a menu 5.5. Listening/DVD Listen to a photographer talk about food Listen to people ordering in a restaurant;	CLO1,2,3, 4,5,6	15				22,5

learn to understand fast speech Watch an extract from a cookery programme with a famous chef 5.6. Speaking Talk about your eating and drinking habits Conduct a class food survey Order a meal in a restaurant Describe your favourite special dish 5.7. Writing Use paragraphs to write a short report about your class Write an email with a recipe						
Unit 6 6.1. Grammar/ Function Was/were Past simple Asking follow-up questions 6.2. Vocabulary Dates and time phrases Life story collocations Activities 6.3. Pronunciation Weak form: was/were Past simple verbs: -ed endings	CLO1,2,3, 4,5,6	15				22,5

Linking: did you 6.4. Reading Read about time twins 6.5 Listening/DVD Hear interesting facts about famous people's lives Listen to people talking about their weekends Watch an extract from a documentary about a great leader 6.6. Speaking Describe your favourite childhood things Talk about past events in your life Talk about how your weekend was Interview a special person 6.7 Writing Link sentences with "because" and "so" Write your life story in 100 words Write a profile about a special person						
--	--	--	--	--	--	--

6. Ma trận chuẩn đầu ra

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CDR CỦA HỌC PHẦN VỚI CDR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
1	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
	CLO 1	(Khoa chuyên ngành ghi)

	CLO 2	
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
	CLO 3	
	CLO 4	
3	Mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	
	CLO 4	
	CLO 5	

7. Tài liệu giảng dạy

7.1. Tài liệu chính

(1) Eals, F. and Oakes, S. (2015). *Speakout Elementary (2nd Edition)*, Pearson Education Limited, Essex.

7.2. Tài liệu kèm tài liệu chính

(1) Dương Cẩm Tú và cộng sự (2023). *Tài liệu kèm giáo trình Speakout - Bậc học A1 và A2 (Elementary)*, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

7.3. Tài liệu bổ trợ

(1) Dương Cẩm Tú và cộng sự (2022). *Bổ trợ giáo trình Speakout (Elementary)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

8. Nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên

TT	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR nào của học phần
1	Unit 4: PLACES ● 4.1: A place to stay (Vocabulary, Listening, Grammar, Writing, Speaking – pp.38,39) ● 4.2: Around town (Reading, Vocabulary – p.40)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Cấu trúc “There is / There are”; + Từ vựng nói về các phòng trong nhà và đồ đạc cơ bản trong phòng; Từ vựng nói về các địa điểm trong thành phố; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Cấu trúc “There is / There are” (p.39,134, SB); + Từ vựng nói về các phòng trong nhà và đồ đạc cơ bản trong phòng; Từ vựng nói về các địa điểm trong thành phố (p.155, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

2	Unit 4: PLACES ● 4.2: Around town (Grammar, Vocabulary, Speaking – p.41) ● 4.3: Can I help you? (Vocabulary, Function, Learn to, Speaking – pp.42,43)	4	- Giảng cho SV hiểu được và sử dụng được: + Động từ khuyết thiếu “can”; + Từ vựng nói về các địa điểm trong thành phố; Từ vựng về các đồ vật khi đi mua sắm; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Động từ khuyết thiếu “can” (p.41,134, SB); + Từ vựng nói về các địa điểm trong thành phố; Từ vựng về các đồ vật khi đi mua sắm (p.156, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
3	Unit 4: PLACES ● 4.4: Favourite Places (DVD preview, DVD View, Speakout: a favourite place, Writeback: describing a place – pp.44,45) ● 4.5: Look back (1,2,3,4,5 – p.46)	4	- Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về một số địa danh nổi tiếng trên thế giới; - Hướng dẫn sinh viên thực hành thành thạo các kỹ năng Nói và Viết về địa điểm yêu thích; - Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 4 (phần 1).	- Chuẩn bị trước ý tưởng cho bài Nói và Viết về địa điểm yêu thích (p.45, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên - Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 4 (phần 1).	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
4	● REVIEW UNIT 4 Unit 5: FOOD ● 5.1: My fridge (Vocabulary, Grammar – p.48)	4	- Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 4 (phần 2). - Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được Danh từ đếm được và không đếm được; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ	- Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 4 (phần 2). - Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về danh từ đếm được và không đếm được (p.48,136, SB) - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

5	Unit 5: FOOD ● 5.1: My fridge (Listening, Grammar, Speaking – p.49) ● 5.2: A lifetime in numbers (Vocabulary, Reading, Grammar, Speaking, Writing – pp.50,51)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Các từ định lượng “a/an/some/any”; Câu hỏi với “how many/ how much”; + Từ vựng chỉ các vật chứa đựng; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Các từ định lượng “a/an/some/any”; Câu hỏi với “how many/ how much” (p.49,136, SB); + Từ vựng chỉ các vật chứa đựng (p.50, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
6	Unit 5: FOOD ● 5.3: Are you ready to order? (Vocabulary, Function, Speaking, Learn to – pp.52,53) ● 5.4: Beach Barbecue (DVD preview, DVD view – p.54)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Từ vựng liên quan đến chủ đề nhà hàng + Cấu trúc gọi món ăn trong nhà hàng; - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về cách chế biến một món ăn nước ngoài; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Từ vựng liên quan đến chủ đề nhà hàng (p.52,53, SB) + Cấu trúc gọi món ăn trong nhà hàng (p.52,136, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
7	Unit 5: FOOD ● 5.4: Beach Barbecue (Speakout: a favourite dish, Writeback: describing a dish – p.55) ● 5.5: Look back	4	- Hướng dẫn sinh viên thực hành thành thạo các kỹ năng Nói và Viết về một món ăn yêu thích; - Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 5.	- Chuẩn bị trước ý tưởng cho bài Nói và Viết về một món ăn yêu thích (p.55, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên - Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

	(1,2,3,4,5,6 – p.56) ● REVIEW UNIT 5			đã học trong Unit 5.	
8	Unit 6: THE PAST ● 6.1: In the past (Listening, Grammar, Speaking, Vocabulary – pp.58,59) ● 6.2: Time twins (Reading, Grammar – p.60)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Thì quá khứ đơn giản; + Từ vựng chỉ thời gian (ngày, tháng, năm...); - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Thì quá khứ đơn giản (p.58,138, SB); + Từ vựng chỉ thời gian (ngày, tháng, năm...) (p.59,158, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
9	Unit 6: THE PAST ● 6.2: Time twins (Vocabulary, Speaking, Writing – p.61) ● 6.3: What did you do? (Vocabulary, Function – p.62) ● TESTS FOR HA2	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Từ vựng chỉ các hoạt động chính trong dòng đời 1 con người; Từ vựng chỉ các hoạt động trong ngày; + Cấu trúc hỏi thăm bạn bè về ngày nghỉ cuối tuần; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ - Trông kiểm tra giữa kỳ Module 2 nghiêm túc	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Từ vựng chỉ các hoạt động chính trong dòng đời 1 con người; Từ vựng chỉ các hoạt động trong ngày (p.60,61, SB); + Cấu trúc hỏi thăm bạn bè về ngày nghỉ cuối tuần (p. 62, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên - Làm bài kiểm tra giữa kỳ HA2 nghiêm túc	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
10	Unit 6: THE PAST ● 6.3: What did you do? (Learn to, Speaking – p.63)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được Cấu trúc hỏi thăm bạn bè về ngày nghỉ cuối tuần;	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về cấu trúc hỏi thăm bạn bè về ngày nghỉ cuối tuần (p.63, SB);	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4,

	● 6.4: Nelson Mandela (DVD preview, DVD view, Speakout: an interview, Writeback: a profile – pp.64,65)		- Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về cuộc đời của Nelson Mandela; - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các kỹ năng Nói và Viết về một người mà sinh viên ngưỡng mộ;	- Chuẩn bị trước ý tưởng cho bài Nói và Viết về một người mà sinh viên ngưỡng mộ (p.65, SB); - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên	CLO 5, CLO 6
11	Unit 6: THE PAST ● 6.5: Look back (1,2,3,4,5,6,7 – p.66) ● REVIEW UNIT 6	5	- Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 6.	- Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 6	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

9. Phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

9.1. Phương pháp giảng dạy học phần

Phương pháp giảng dạy	Đáp ứng CDR của học phần
1. Thuyết giảng	CLO1, CLO2
2. Thảo luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
3. Đóng vai	CLO1, CLO2
4. Động não	CLO1, CLO2
5. Giao bài tập, tình huống	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
6. Hướng dẫn cách đọc tài liệu	CLO1
7. Tự nghiên cứu	CLO1
8. Làm việc nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
9. Thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
10. Trả lời câu hỏi, phát biểu, trao đổi ý kiến xây dựng bài	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
11. Nghe giảng, ghi bài	CLO1
12. Đọc, nghiên cứu tài liệu	CLO1
13. Làm bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

9.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
Al. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm chuyên cần	Đánh giá mức độ chuyên cần	- Thời gian lên lớp nghe giảng - Tinh thần thái độ học tập - Mức độ tham gia các hoạt động semina, làm bài tập...	Toàn bộ các tuần		CLO 1,2,3,4,5,6	40%
	A1.2. Bài kiểm tra 1 -Nói	Trực tiếp nói	- Nội dung kiến thức - Phương pháp trình bày - Mức độ sáng tạo	Toàn bộ các tuần	2	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.3. Bài kiểm tra 2 - Nghe	Trắc nghiệm	- Nội dung kiến thức	Buổi học thứ 9 của lịch trình 11 buổi, buổi học thứ 7 của lịch trình 9 buổi	1	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.4. Bài kiểm tra 3 – Viết	Tự luận	- Hình thức: Khoa học, đẹp theo qui định trình bày văn phong khoa học - Nội dung: Đảm bảo được yêu cầu - Nộp đúng thời hạn - Không vi phạm vấn đề sao chép	Buổi học thứ 9 của lịch trình 11 buổi, buổi học thứ 7 của lịch trình 9 buổi	1	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.5. Bài kiểm tra 4 – Giữa kỳ	Trắc nghiệm	- Nội dung kiến thức	Buổi học thứ 9 của lịch trình 11 buổi, buổi học thứ 7 của lịch trình 9 buổi	1	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.6. Tự học	MEL	- Nội dung kiến thức		3	CLO 1,2,3,4,5,6	

A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm	- Mức độ chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm - Thái độ nghiêm túc tham gia kỳ thi				60%
---	-----------------	--------------------	---	--	--	--	-----

Lưu ý:

Điểm đánh giá quá trình chiếm 40% điểm học phần được tính theo công thức:

$(KT\ N\acute{o}i * 2 + KT\ Nghe + KT\ Vi\acute{e}t + KT\ gi\ddot{u}ra\ k\dot{y} + T\dot{y}\ h\acute{o}c * 3) / 8 - \text{Điểm CC}$

10. Thông tin về người/ nhóm biên soạn

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Ghi chú
1	Dương Cẩm Tú	Thạc sỹ	CNK – Trưởng nhóm
2	Trần Thị Thu Cúc	Thạc sỹ	
3	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Thạc sỹ	
4	Đặng Thị Minh Quyên	Thạc sỹ	
5	Nguyễn Thị Vân	Thạc sỹ	

PHÊ DUYỆT

Phụ trách Học phần



ThS. Nguyễn Thị Hoàng Mai

Chủ nhiệm Khoa



ThS. Dương Cẩm Tú